

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127/2022/HS-ST

Ngày: 20-4-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2021/HSST ngày 23/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-HS ngày 05/4/2022, đối với bị cáo:

Lê Thanh N; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 03 tháng 8 năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D2 đường M, Phường H1, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số S2 đường T1, khu phố X, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị N; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Thanh S, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số D4 Xa lộ N, phường G3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2021, bị cáo N quen biết anh Phạm Thanh S khi đi sửa xe tại tiệm sửa xe Tuấn K, địa chỉ: H1 Xa lộ N, phường G3, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh. Qua nói chuyện, cả hai trao đổi số điện thoại để liên lạc và N có nói với anh S biết chỗ mua xe cũ giá rẻ, khi nào cần mua xe thì liên hệ N sẽ giúp. Khoảng 04 ngày sau, anh S nhờ N mua giúp 01 xe mô tô cũ có giấy tờ hợp lệ, giá rẻ, N gọi điện cho một người tên L1 (không rõ lai lịch) do trước đó đã mua xe của người này và L1 nói có bán 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen nhám với giá 12.000.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đỏ đen với giá 16.000.000 đồng. N báo lại cho anh S chọn xe và anh S đồng ý mua xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen nhám. Sau đó, N nói anh S đặt cọc 7.000.000 đồng, anh S đồng ý và đưa tiền cho N. Tuy nhiên, do sau đó Long báo xe đã bán cho người khác nên N đã trả lại số tiền 7.000.000 đồng cho anh S và nói khi nào có xe liên hệ lại sau.

Đến ngày 05/8/2021, do không có tiền tiêu xài nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh S nhờ mua xe. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, mặc dù không có xe nhưng N đã gọi điện cho anh S nói đã tìm được xe anh S cần mua và nói anh S đưa 7.000.000 đồng để đặt cọc. Anh S đồng ý và hẹn gặp N tại giao lộ đường T1- Xa lộ N, phường G3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giao tiền. Khi gặp nhau, anh S thấy N mặc trang phục Công an thuộc lực lượng An ninh nhân dân nên hỏi N làm ở đâu, N nói làm ở Công an tại số 371 đường Đ, phường B, thành phố Thủ Đức. Sau đó, anh S đưa cho N số tiền 7.000.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/8/2021, N tiếp tục đến nhà anh S tại địa chỉ T2 Xa lộ N, khu phố H2, phường G3, thành phố Thủ Đức và nói anh S đưa thêm 5.000.000 đồng để trả đủ tiền mua xe thì sẽ có xe sớm. Anh S đồng ý và đưa 5.000.000 đồng cho N. Sau đó, N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 12.000.000 đồng đã chiếm đoạt được. Anh S nhiều lần liên hệ nhận xe nhưng N hứa hẹn, đưa nhiều lý do trốn tránh và không trả tiền cho anh S.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/9/2021, Công an phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức tuần tra đến trước nhà số A1 T1, khu phố J3, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức thì thấy Lê Thanh N đang mặc trang phục Công an thuộc lực lượng An ninh nhân dân, mang quân hàm Thiếu tá có nhiều biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, N không xuất trình được Giấy chứng minh Công an nhân dân nên tổ công tác mời N về trụ sở làm việc. Ngày 01/10/2021, anh S nghe tin N bị bắt nên đã đến Công an phường Hiệp Phú trình báo vụ việc.

Ngày 02/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Thanh N. Tại Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Lê Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 02 bộ quần áo Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân.
- 02 quân hàm thiếu tá, 02 mũ kêpi Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân có gắn Công an hiệu, 01 mũ cứng Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân có gắn Công an hiệu, 04 ve hàm Công an Nhân dân, 01 áo mưa Công an Nhân dân, 01 đôi giày Công an Nhân dân, 01 đôi tất Công an Nhân dân.
- 01 còng số 8.
- 02 thẻ ra vào cổng số 19 và số 30, trên thẻ có in Quốc huy và chữ Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh.
- 01 thắt lưng Công an nhân dân.
- 01 căn cước công dân mang tên Lê Thành N; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh N; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn M; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Tuấn D.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng 32 Gb.
- 01 chứng minh Công an nhân dân số 315-262 tên Lê Thanh N, ngày sinh 03/8/1988, cấp bậc thiếu tá, chức vụ: Phó đội nghiệp vụ, đơn vị BA21 Tổng cục 1 Công an thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh có ảnh chân dung của N.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Lê Thanh N đã trả lại cho anh Phạm Thanh S số tiền 12.000.000 đồng, anh S không có yêu cầu nào khác và có đơn bãi nại đối với N.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 117/CTr-VKSTPTĐ ngày 22/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Lê Thanh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo N về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Anh S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy đối với các vật dụng, quân tư trang thuộc lực lượng An ninh Nhân dân và Công an nhân dân đã thu giữ của bị cáo N. Trả lại cho bị cáo N 01 căn cước công dân và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh N. Tịch thu, sung quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng 32 Gb do bị cáo dùng điện thoại này vào việc phạm tội.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét đơn xin vắng mặt của bị hại là hợp lệ và bị hại đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc bị hại vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Lê Thanh N biết anh Phạm Thanh S có nhu cầu mua xe cũ, mặc dù không tìm được xe cho anh S nhưng do cần tiền tiêu xài và muốn chiếm đoạt tiền của anh S nên N nói với anh S đã tìm được xe anh S cần mua và yêu cầu anh S đưa tiền mua xe. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/8/2021 tại giao lộ đường T1- Xa lộ N, phường G3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh anh S đã đưa cho N 7.000.000 đồng, đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/8/2021, tại nhà số T2 Xa lộ N, khu phố H2, phường G3, thành phố Thủ Đức, anh S tiếp tục đưa cho N 5.000.000 đồng để N giao xe cho anh S nhưng N đã tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền Lê Thanh N chiếm đoạt của anh S là 12.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo N đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm

2017 như kết luận của Kiểm sát viên. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trang phục Công an của lực lượng An ninh nhân dân và cất giữ quân tư trang của lực lượng Công an nhân dân, N khai nhận tất cả những lần gặp anh S đều mặc trang phục An ninh nhân dân nhưng không giới thiệu cấp bậc, chức vụ, nơi công tác. Vào ngày 05/8/2021, khi anh S hỏi làm Công an ở đâu thì N mới nói làm việc tại số 371 đường Đ, phường B, thành phố Thủ Đức. N mặc và sử dụng các quân tư trang của lực lượng Công an với mục đích để lấy oai với mọi người xung quanh và đi giao hàng hải sản trong thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, không sử dụng vào mục đích liên hệ công tác với danh nghĩa là cán bộ Công an. Do đó, chưa đủ căn cứ xử lý bị cáo N về hành vi giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí trong công tác.

Đối với hành vi thay hình của N vào chứng minh nhân dân khác, N khai nhận do mất chứng minh nhân dân nên đã tháo hình trong chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn M mình nhặt được và thay hình của mình vào với mục đích sử dụng để đi khách sạn. N không sử dụng chứng minh nhân dân này để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và sau khi tìm được chứng minh nhân dân của mình thì N không sử dụng chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn M nữa. Do đó, chưa đủ căn cứ xử lý bị cáo N về hành vi sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với hành vi sử dụng giấy chứng minh Công an nhân dân giả, N khai nhận đã làm ở một tiệm chụp hình ở quận Bình Thạnh (không nhớ rõ địa chỉ) vào khoảng tháng 8/2021 với giá 50.000 đồng để sử dụng đi lại trong thời gian giãn cách nhưng sau đó đã làm mất. Do N chưa sử dụng giấy tờ trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và cũng đã làm mất, không thu hồi được giấy tờ trên. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý bị cáo N về hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với các quân tư trang của lực lượng Công an nhân dân, An ninh nhân dân được thu giữ nêu trên, N mua để sử dụng với mục đích để lấy oai với mọi người xung quanh và đi giao hàng. Các tài sản trên do N mua trên mạng Facebook và được cho bởi các đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không có đủ căn cứ truy tìm và xử lý.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng hình phạt: Không có.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo cùng gia đình đã tích cực bồi

thường thiệt hại cho bị hại nên áp dụng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt đối với các bị cáo:

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân và tổ chức được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong toàn xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 bộ quần áo Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân. Theo N khai nhận 01 bộ N đặt mua trên mạng Facebook (không xác minh được lai lịch người bán), 01 bộ được người đàn ông tên D (không rõ lai lịch) cho N, quen biết khi mua hải sản của N.

- Đối với 02 quân hàm thiếu tá, 02 mũ kêpi Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân có gắn Công an hiệu, 01 mũ cứng Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân có gắn Công an hiệu, 04 ve hàm Công an Nhân dân, 01 áo mưa Công an Nhân dân, 01 đôi giày Công an Nhân dân, 01 đôi tất Công an Nhân dân. Theo N khai nhận do N đặt mua trên mạng Facebook (không rõ lai lịch người bán).

- Đối với 01 còng số 8. Do một người đàn ông tên T (không rõ lai lịch) cho N, quen biết khi mua hải sản của N.

- Đối với 02 thẻ ra vào cổng số 19 và số 30, trên thẻ có in Quốc huy và chữ Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh. Do một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch) cho N, quen biết khi mua hải sản của N.

- Đối với 01 thắt lưng Công an nhân dân. N cho biết vào năm 2018, N được cho từ chú ruột là ông Lê Văn C trước đây công tác và làm Trưởng Công an xã T, đã nghỉ hưu từ tháng 3/2021. Ông C không có yêu cầu nhận lại tài sản này.

Xét các vật chứng trên là vật dụng, quân tư trang chỉ được sử dụng trong lực lượng An ninh Nhân dân, Công an nhân dân và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Lê Thành N và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh N. Đây là giấy tờ tùy thân của N nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn M. Qua làm việc với anh Nguyễn Văn M, được biết đây là giấy tờ tùy thân của anh M. Khoảng tháng 6/2019, sau khi đi làm về nhà thì anh M phát hiện bị mất giấy chứng minh nhân dân. Sau đó, do bận công việc nên anh M không làm lại chứng minh nhân dân mới và không trình báo Công an. Đến tháng 5/2021, anh M đã làm căn cước công dân mới và đang chờ cấp. Anh M không có yêu cầu nhận lại chứng minh nhân dân cũ. N khai đã nhặt được chứng minh nhân dân trên vào khoảng tháng 6/2019 tại khu vực chợ C. Do mất chứng minh nhân dân cá nhân nên N tháo hình trong chứng minh nhân dân nhặt được và lồng hình của mình vào, sử dụng để đi khách sạn. Đến khi tìm lại được chứng minh nhân dân của mình thì N không sử dụng chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn M nữa. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Tuấn D. Kết quả xác minh: Lê Tuấn D là anh ruột của N. Anh D cho biết giấy phép lái xe trên là của anh D được cấp ngày 16/10/2013. Đến ngày 16/10/2018, do đến thời hạn nên anh D được cấp đổi giấy phép lái xe mới. Do giấy phép lái xe cũ bị cắt góc, không còn giá trị sử dụng nên anh D đã cho N. Anh D không có yêu cầu nhận lại. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng 32 Gb. Đây là tài sản cá nhân của N, có cài đặt ứng dụng Zalo lưu trữ nội dung tin nhắn giữa N và anh Phạm Thanh S, được thể hiện qua biên bản kiểm tra điện thoại lưu trong hồ sơ vụ án. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 chứng minh Công an nhân dân số 315-262 tên Lê Thanh N, ngày sinh 03/8/1988, cấp bậc thiếu tá, chức vụ: Phó đội nghiệp vụ, đơn vị BA21 Tổng cục 1 Công an thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh có ảnh chân dung của N. Theo N khai nhận vào khoảng tháng 8/2021, trong lúc đi đường vào buổi tối, N có ghé vào tiệm chụp hình ở khu vực quận Bình Thạnh (không nhớ rõ địa chỉ) và nhờ làm Giấy chứng minh Công an giả với giá 50.000 đồng để sử dụng đi lại trong thời gian giãn cách. Tuy nhiên, sau đó N đã làm mất giấy tờ trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh S đã nhận lại số tiền 12.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Thanh N** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng 32 Gb đã qua sử dụng.

Tịch thu, tiêu hủy đối với: 02 bộ quần áo Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân; 02 quân hàm thiếu tá, 02 mũ kêpi Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân có gắn Công an hiệu, 01 mũ cứng Công an thuộc lực lượng An ninh Nhân dân có gắn Công an hiệu, 04 ve hàm Công an Nhân dân, 01 áo mưa Công an Nhân dân, 01 đôi giày Công an Nhân dân, 01 đôi tất Công an Nhân dân; 01 còng số 8; 02 thẻ ra vào cổng số 19 và số 30, trên thẻ có in Quốc huy và chữ Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh; 01 thắt lưng Công an nhân dân; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn M; 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Tuấn D.

Trả lại cho bị cáo Lê Thanh N: 01 căn cước công dân mang tên Lê Thành N và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh N

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 28/QĐ-VKS ngày 13/01/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng số 36/22L ngày 18/02/2022).

4. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực